

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 4 – 2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Lai.

Ông Trần Văn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam – Thư ký viên, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông YUAN, JIAN, sinh năm 1988. Địa chỉ: số A, đường Đ, khu V, thành phố V (Trung Quốc). Địa chỉ tạm trú tại Việt Nam: ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Thạch Thị Huỳnh M, sinh năm 1991. Địa chỉ: số C, N, Khóm C, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2024).

- Bị đơn: Bà Thạch Thị Thúy D, sinh năm 2004. Địa chỉ: ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2024 và đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt ngày 13/3/2024, nguyên đơn ông Y, J trình bày: Ông và bà D qua mai mối quen biết với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2023. Sau khi làm lễ cưới vợ chồng ông đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban ban nhân thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/5/2023. Sau khi kết hôn ông đã tiến hành thủ tục và bảo lãnh bà D sang Trung Quốc định cư nhưng chưa được nhập Quốc tịch. Ông và bà D chung sống với nhau ở Trung Quốc được khoảng 07 tháng thì bà D đã tự ý về Việt Nam không cho ông hay biết.

Trong thời gian sống chung thì vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khi về Việt Nam vào cuối năm 2023 thì bà D không liên lạc với ông, ông đến nhà tìm thì bà D cũng không đồng ý gặp mặt, điện thoại cũng không bắt máy nên vợ chồng không thể nói chuyện với nhau. Do đó, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Thạch Thị Thúy D.

- Về con chung: Ông YUAN, JIAN trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông YUAN, JIAN trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay công việc của ông bận rộn không thể sắp xếp thời gian tham gia tố tụng tại phiên tòa được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, ông thống nhất với quyết định của Tòa và ông cam kết không kháng cáo bản án và cũng không khiếu nại gì về sau.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 08/4/2024, đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử bà Thạch Thị Thúy D trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Y, J về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và thời gian bà về Việt Nam. Nay ông Y, J yêu cầu ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý vì hiện nay bà không còn tình cảm với ông Y, J; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, nên bà cũng không có ý kiến gì.

Do hiện nay bà bận đi làm ăn xa không thể về theo yêu cầu của Tòa án nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, ông Y, J yêu cầu được ly hôn với bà Thạch Thị Thúy D; về con chung, nợ chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Y, J là người nước ngoài và hiện nay đang sống ở Trung Quốc, còn bà D là người Việt Nam hiện nay đang cư trú tại địa chỉ ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý và xác định quan hệ pháp luật để giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đồng thời yêu cầu vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không tiến hành hòa giải được vụ án.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Y, J và bà Thạch Thị Thúy D là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 23/5/2023 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Y, J và bà D là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông Y, J và bà D chung sống với nhau tại nhà ông Y, J được thời gian ngắn thì bà D bỏ về Việt Nam và từ đó không quay về nhà chồng và cũng cắt đứt liên lạc với ông Y, J nên ông Y, J nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà D và bà D cũng thống nhất với yêu cầu của ông Y, J đồng ý ly hôn. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng của ông Y, J và bà D không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người và bà D cũng thống nhất ly hôn với ông Y, J nên yêu cầu khởi kiện của ông Y, J xin được ly hôn với bà D là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho ông Y, J được ly hôn với bà Thạch Thị Thúy D.

[2.2] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo lời trình bày của ông Y, J và bà Thạch Thị Thúy D thì giữa hai người không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Ông Y, J phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470 và khoản 1 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Y, J được ly hôn với bà Thạch Thị Thúy D.

2. Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Ông Y, J phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0002836, ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

5. Báo cho các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu Tòa HNGĐ&NCTN;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy